

Số: **466** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **19**..tháng **7**...năm 2018

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Tư vấn và xây dựng tổng hợp Bình Dương và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 30/6/2018,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Tư vấn và xây dựng tổng hợp Bình Dương

Địa chỉ: Số 7, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Mã số thuế: 3700514006

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm Kiểm định vật liệu xây dựng và chất lượng công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 7, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 249**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Quyết định số 40/QĐ-BXD ngày 25/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận: *Hg*

- Công ty Cổ phần Tư vấn và xây dựng tổng hợp Bình Dương;
- SXD tỉnh Bình Dương;
- TT Thông tin (*website*);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT *100*

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 249**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số: 466 /GCN-BXD ngày 19 tháng 7 năm 2018)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003	
	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011 AASHTO T106	
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 AASHTO T197	
2	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993 AASHTO T119	
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993 AASHTO T121	
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993	
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993 ASTM C567	
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993	
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993 AASHTO T22	
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:1993	
	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993	
	3	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
		Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước		TCVN 7572-4:2006	
Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn		TCVN 7572-5:2006	
Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng		TCVN 7572-6:2006	
Xác định độ ẩm		TCVN 7572-7 :2006	
Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ		TCVN 7572-8:0606	
Xác định tạp chất hữu cơ		TCVN 7572- 9:2006	
Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc		TCVN 7572-10:2006	
Xác định độ nén đập, hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn		TCVN 7572-11:2006	
Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)		TCVN 7572-12:2006	
Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn		TCVN 7572-13:2006	
Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa		TCVN 7572-17:2006	
Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-20:2006		
4	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	

7

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		AASHTO T100
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 AASHTO T265 ASTM 2216
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 AASHTO T89 ASTM D4318
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 AASHTO T88 ASTM C135
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012 AASHTO T216, T297
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 AASHTO T99 ASTM D1556
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006 AASHTO T180
	Xác định hệ số thấm K	AASHTO T49 ASTM D2434
5	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
	Thử kéo vật liệu kim loại	TCVN 197-1:2014
	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198:2008
	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
	Thử kéo bulông, đai ốc	ASTM A370
6	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
7	THỬ NGHIỆM NHỰA BI TUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
	Xác định độ kim lún ở 25 °C	TCVN 7495:2005 AASHTO T49
	Xác định độ kéo dài ở 25 °C	TCVN 7496:2005 AASHTO T51
	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005 AASHTO T53
	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005 AASHTO T48
	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005 AASHTO T47
	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005 ASTM D2042
	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005 AASHTO T228
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
8	THỬ NGHIỆM ĐẤT HIỆN TRƯỜNG	
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:1971
	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006 AASHTO T191
	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	Phương pháp thử nghiệm xác định môđun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011 AASHTO T256
	Thí nghiệm CBR- Ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM D4429
9	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định thành phần hạt	22TCN 58:1984, TCVN 7572-2:2006
	Xác định lượng mất khi nung	22TCN 58:1984
	Xác định hàm lượng nước	22TCN 58:1984 TCVN 7572-3:2006
	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất	22TCN 58:1984
	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58:1984
	Xác định hệ số háo nước	22TCN 58:1984
	Xác định chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
10	THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
11	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999
	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
12	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2016
	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
13	THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZO	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013
	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013
	Xác định độ chịu mài mòn (mất khối lượng bề mặt)	TCVN 7744:2013
	Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
14	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2003
	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2003
	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2003
15	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH	
	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và độ ẩm lớn nhất của hỗn hợp	22TCN 59:1984
	Xác định cường độ kháng ép	22TCN 59:1984
	Thí nghiệm xác định mô đun biến dạng	22TCN 59:1984
	Độ ổn định sau 5 chu kỳ bảo hoà - sấy	22TCN 59:1984
	Xác định cường độ kháng kéo	22TCN 59:1984
	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.